

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 21/10/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
giao nhận khoán sản xuất cà phê*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Bình.
2. Bà Hoàng Thị Hải.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Nữ Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2020/TLST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43a/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Tổng công ty cà phê Việt Nam.

Địa chỉ: 211-213-213A Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Minh – Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Ng - Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty cà phê Việt Nam - Công ty cà phê 706.

- Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn H - Phó phòng tổ chức hành chính Công ty cà phê 706. Địa chỉ: Thôn Tân Hợp, xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Phan Xuân H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 27 tháng 10 năm 2020, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền lại của Tổng công ty cà phê Việt Nam, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Phan Xuân H1 là công nhân của Công ty cà phê 706, thực hiện phương án giao khoán sản xuất vườn cây chu kỳ 2018-2022 của Công ty, ngày 10/9/2018, ông H1 ký Hợp đồng số D.27 nhận khoán với diện tích đất là 01ha cây cà phê trồng đang trong giai đoạn kinh doanh, mức khoán năm 2019 là 5.575kg cà phê quả tươi, mức khoán này ông H1 phải nộp đủ sau khi thu hoạch vụ mùa. Nhưng sau khi thu hoạch vụ mùa năm 2019, ông H1 chỉ cân nhập về kho của Công ty cà phê 825kg cà phê quả tươi. Như vậy ông H1 đã giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao nhận khoán thiếu số lượng là 4.750 kg cà phê quả tươi (5.575 kg - 85 kg = 4.750 kg), tương đương với giá trị thành tiền là 33.725.000 đồng tính theo giá trị trường tại thời điểm tháng 12/2019.

Ngoài ra, tại đơn khởi kiện Tổng công ty cà phê Việt Nam yêu cầu ông H1 còn phải trả các khoản tiền sau:

Tính đến ngày 30/12/2019, ông H1 có vay tiền đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (chu kỳ này phần đóng Bảo hiểm công nhân tự đóng), tiền phân bón, tiền lãi tổng cộng các khoản nợ, khi ông H1 bỏ việc đã không thanh toán, đến nay số tiền nợ tồn đọng không trả cho Công ty là 17.477.354 đồng.

Quá trình giải quyết, đại diện Tổng công ty cà phê Việt Nam xin rút bớt yêu cầu khởi kiện về tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN chỉ yêu cầu ông H1 phải trả các khoản tiền sau:

- Số lượng cà phê quả tươi còn thiếu theo hợp đồng giao khoán, buộc ông H1 phải thanh toán quy đổi bằng tiền : $4.750 \text{ kg} \times 6.900 \text{ đồng/kg}$ (giá tại thời điểm tháng 12/2019) = 32.775.000 đồng

- Tiền phân bón ông H1 nhận năm 2019: 11.875.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/10/2021 là: 825.603 đồng, tổng cộng: 12.700.603 đồng

Tổng 02 khoản: 45.475.603 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ ba đồng)

Về án phí dân sự buộc ông Phan Xuân H1 phải chịu.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: **Tổng chi phí là 3.533.000 đồng, Tổng công ty cà phê Việt Nam tự nguyện chịu 3.533.000 đ (ba triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng) chi phí này.**

Ngoài ra, Tổng công ty cà phê Việt Nam không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn ông Phan Xuân H1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn không có mặt ở nhà. Tòa án đã thông báo, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo công lý số 36, 37, 38 ra các ngày 04, 07, 11/05/2021; Đài Tiếng nói Việt Nam lúc 17h30 – 18h00 các ngày 23, 24, 25/05/2021) Tòa án tổ chức công khai chứng cứ và H giải nhưng bị đơn ông Phan Xuân H1 không có mặt. Đến phiên tòa xét xử lần

thứ hai ông H1 cũng vắng mặt tại Tòa án không có lý do và không có văn bản gì trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 483; 485; 488 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Xuân H1 phải trả cho Tổng công ty cà phê Việt Nam thông qua Công ty cà phê 706: Số lượng cà phê quả tươi còn thiếu theo hợp đồng giao khoán, quy đổi bằng tiền : 4.750 kg x 6.900 đồng/kg (giá tại thời điểm tháng 12/2019) = 32.775.000 đồng và tiền phân bón ông H1 nhận năm 2019: là 12.700.603 đồng. Tổng 02 khoản: 45.475.603 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).

Về án phí dân sự buộc ông Phan Xuân H1 phải chịu.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Tổng chi phí là 3.533.000 đồng. Do Tổng công ty cà phê Việt Nam yêu cầu và tự nguyện chịu 3.533.000 đồng chi phí này nên không xem xét .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Ngén cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Hợp đồng số D.27 là Hợp đồng nhận khoán được ký kết giữa công ty Cà phê 706 với ông Phan Xuân H1, có địa chỉ tại thôn 6, xã Ia Nhin, huyện Chư Păh. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thực hiện cam kết giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao nhận khoán cà phê và thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán sản xuất Cà phê và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Phan Xuân H1 phải trả cho Tổng công ty cà phê Việt Nam thông qua Công ty cà phê 706:

2.1. Số lượng cà phê quả tươi còn thiếu theo hợp đồng giao khoán, buộc ông H1 phải thanh toán quy đổi bằng tiền : $4.750 \text{ kg} \times 6.900 \text{ đồng/kg}$ (giá tại thời điểm tháng 12/2019) = 32.775.000 đồng

Xét Hợp đồng giao-nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2018-2022 số D.27/HĐG-NK ngày 10/9/2018 có nội dung và hình thức đúng quy định về giao dịch dân sự tại Điều 401, Điều 483, 484, 485, 486 và Điều 488 Bộ luật dân sự 2015. Hai bên tự nguyện thỏa thuận ký kết, Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật, với định mức sản lượng đã được hai bên thỏa thuận là bên nhận khoán ông Phan Xuân H1 có trách nhiệm giao sản lượng cho Tổng công ty cà phê thông qua Công ty cà phê 706, vụ mùa năm 2019 là 5.575 kg cà phê quả tươi. Việc thanh toán sản phẩm hàng năm khi kết thúc mỗi mùa vụ thu hoạch. Nhưng khi kết thúc mùa vụ năm 2019 ông H1 chỉ cân giao 825 kg, có phiếu cân ngày 06, 07, 24/11/2019 của Đội 4 thuộc Công ty cà phê 706 nhận, có chữ ký xác nhận số lượng của ông H1. Như vậy, ông H1 đã vi phạm hợp đồng, Tổng công ty cà phê Việt Nam khởi kiện cầu ông H1 phải trả số lượng 4.750 kg cà phê quả tươi còn nộp thiếu khoán là có căn cứ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả bằng tiền quy đổi: $4.750 \text{ kg} \times 6.900 \text{ đồng/kg}$ (là giá tại thời điểm tháng 12/2019) = 32.775.000 đồng. Căn cứ báo giá của Công ty Cà phê 706 về giá cà phê quả tươi theo giá trị trường tại thời điểm xét xử (ngày 20/10/2021) là 8.874 đồng/kg, như vậy yêu cầu của nguyên về quy đổi thành tiền theo giá thời điểm năm 2019 thấp hơn giá tại thời điểm xét xử, không làm bất lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

2.2. Tiền phân bón ông H1 nhận năm 2019: 11.875.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/10/2021 là: 825.603 đồng, tổng cộng: 12.700.603 đồng.

Căn cứ nội dung thỏa thuận Hợp đồng giao-nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2018-2022 số D.27/HĐG-NK ngày 10/9/2018 có nội dung tại Điều 2: “Công ty cung cấp cây giống, phân bón theo dự toán xây dựng đã được phê duyệt”; “danh sách nhận phân bón ghi nợ” của Đội 4 năm 2019, có chữ ký nhận số lượng phân bón của ông H1 và chữ ký xác nhận của ông H1 về số tiền nợ phân bón cùng tiền lãi là 12.700.603 đồng. Nên yêu cầu của nguyên buộc ông H1 phải trả số tiền nợ phân bón cùng tiền lãi này được chấp nhận.

Do đó, buộc ông Phan Xuân H1 phải trả cho Tổng công ty cà phê Việt Nam, tổng 02 khoản là: 45.475.603 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ ba đồng)

Trong quá trình giải quyết, đại diện Tổng công ty cà phê Việt Nam xin rút bớt yêu cầu khởi kiện về số tiền nộp Bảo hiểm xã hội thay cho ông H1. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, không gây bất lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $45.475.603 \times 5\% = 2.273.800$ đồng. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Do Tổng công ty cà phê Việt Nam yêu cầu và tự nguyện chịu 3.533.000 đ (ba triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng) chi phí này nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : **Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

- Điều 401, Điều 483, 484, 485 và Điều 488 Bộ luật dân sự 2015;
- **Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty cà phê Việt Nam. Buộc ông Phan Xuân H1 phải thanh toán cho Tổng công ty cà phê Việt Nam, thông qua Công ty cà phê 706 số tiền là: **45.475.603 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).**

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc **ông Phan Xuân H1 phải chịu 2.273.800 đồng (hai triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm đồng)** để nộp ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại cho cho Tổng công ty cà phê Việt Nam thông qua Công ty cà phê 706 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: **1.281.000 đồng** theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: **0010235, ngày 28 tháng 11 năm 2020** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h.Chư Păh;
- THADS h.Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

